

# Thông tin dành cho bệnh nhân

## SULLIVAN

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Rửa sạch tay trước khi dùng.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu có tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc. Thuốc này cần dùng theo đơn của bác sĩ.

**Tập thông tin sản phẩm này bao gồm hướng dẫn sử dụng cho thuốc có nhiều hàm lượng khác nhau.**

### THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nén SULLIVAN chứa:


Amisulprid ..... 100 mg

Tà dược: Cellulose vi tinh thể, tinh bột ngô, povidon, croscarmellose natri, natri lauryl sulfat, talc, magnesi stearat, silicon dioxyd.

Mỗi viên nén SULLIVAN-400 chứa:

Amisulprid ..... 400 mg

Tà dược: Lactose monohydrat, tinh bột, povidon, croscarmellose natri, magnesi stearat, silicon dioxyd, natri lauryl sulfat.

**Mô tả sản phẩm:** Viên nén dạng màu trắng, mặt trước có logo , mặt kia có dấu gạch ngang.

**Quy cách đóng gói:** SULLIVAN : Hộp 4 vỉ x 7 viên.

Hoặc 6 vỉ x 10 viên.

SULLIVAN-400: Hộp 4 vỉ x 7 viên.

### Thuốc dùng cho bệnh gì?

Sản phẩm SULLIVAN chứa thành phần chính có tác dụng dược lý là amisulprid, một chất thuộc nhóm thuốc chống loạn thần. Thuốc được sử dụng theo chỉ định của bác sĩ để điều trị bệnh tâm thần phân liệt.

Bệnh tâm thần phân liệt làm biến đổi cảm giác, nhìn thấy hoặc nghe thấy những thứ không có thật, có ý nghĩ sai lầm, thay đổi hành vi, và làm biến đổi cảm giác của não. Não khi căng có thể cảm thấy căng thẳng, lo lắng và trầm cảm.

Amisulprid giúp cải thiện những suy nghĩ, cảm giác và hành vi bất thường. Thuốc dùng để điều trị bệnh tâm thần phân liệt khi vấn đề môi trường hoặc bệnh và khi cần điều trị trong thời gian dài.

### Nguyên nhân thuốc này có thể gây ra tác dụng phụ?

Liên quan đến thuốc chính xác nhờ hướng dẫn của bác sĩ hoặc dược sĩ. Nếu có vấn đề, hãy hỏi lại cho chắc chắn.

### Liều dùng:

Liều dùng được bác sĩ chỉ định tùy thuộc vào tình trạng bệnh của bệnh nhân.

- Liều khởi đầu dùng trong khoảng 50 - 800 mg/ ngày.
- Bác sĩ có thể chỉ định liều thấp hơn nếu cần thiết.
- Nếu cần thiết bác sĩ có thể tăng liều sử dụng hàng ngày lên 1200 mg.
- Cách dùng: Liều dùng từ 300 mg/ ngày trở lên uống 1 lần vào cuối ngày 1 giờ trước khi đi ngủ; Liều dùng dưới 300 mg/ ngày: chia làm 2 lần/ ngày, một nửa vào buổi sáng và một nửa vào buổi tối.

- Ngõõõ cao tuoái: Bàuc syõ seõ theo doõi caãn thaãn do bãin còu theỏ bở giaũm huyeát aùp hoaëc buoàn nguũ do thuoác.
- Treũ em: Khoâng neãn sũu dũĩng thuoác cho treũ em dõõuì 15 tuoái (trõõuc tuoái daỹ thì). Khoâng khuyeán caũu sũu dũĩng cho treũ em tởõ tuoái daỹ thì ñeãn 18 tuoái.
- Suy thaãn: Bàuc syõ còu theỏ seõ chæ ñõnh lieàu thaáp hõn.

### Caũch duøng:

Uoáng nguyean vieãn cuøng vòuì nõõuc, khoâng nhai vieãn. Uoáng thuoác trõõuc bõõa aên. Neáu caũm thaáy taũc ñõõng cuũa thuoác quaũ maĩnh hoaëc quaũ yeáu, khoâng tởi yũ thay ñõải lieàu, thoâng baũu vaõ hoũi yũ kieán bàuc syõ.

### **Khi naõo khoâng neãn duøng thuoác naõy?**

Khoâng neãn duøng thuoác naõy neáu bãin:

- Dõ õũng vòuì amisulprid, hoaëc baát kyõ thaõnh phaàn naõo cuũa cheá phaãm. Daáu hieũu cuũa dõ õũng bao goàm ngõõa, khoũ thõu hoaëc khoõ kheõ, sõng maët, moải, lõõõi hoaëc hoĩng.
- Mang thai, còu theỏ seõ mang thai hoaëc cho con buũ.
- Ung thõ vuũ hoaëc ung thõ phuĩ thuoác prolactin.
- Ñĩng duøng moät trong nhõõng thuoác sau ñĩũy: Quinidin, disopyramid, procainamid, amiodaron, sotalol, bepridil, cisaprid, sultoprid, thioridazin, erythromycin tieãm tónh maĩch, vincamin tieãm tónh maĩch, halofantrin, pentamidin, sparfloxacin, levodopa.
- Treũ em dõõuì 15 tuoái (trõõuc tuoái daỹ thì).

### **Taũc dũĩng khoâng mong muoán**

Nhõ caũc thuoác khaũc, amisulprid còu theỏ gaỹy taũc dũĩng khoâng mong muoán, nhõng khoâng phaũi ai cuõng gaẽp phaũi.

### *Ngõõng duøng thuoác vaõ lieãn heỏ trung taũm y teá gaàn nhaát neáu bãin gaẽp caũc phaũn õũng sau:*

- Hoải chõũng an thaàn aũc tĩnh (soát cao, chaũy moà hoải, cõũng cõ, nhõp tim nhanh, thõũ nhanh, vaõ caũm thaáy luũ laãn, buoàn nguũ hoaëc kĩch ñõõng).
- Nhõp tim baát thõõõng (tim ñĩũp nhanh, ñĩũu ngõõc).
- Huyeát khoải taũc maĩch ñĩũc bieát õu chaãn (phuõ, ñĩũu vaõ ñõũ õu chaãn).
- Deỏ bở nhieãm trũng hõn do roái loaĩn veỏ maũu (maát baĩch caũu haĩt, giaũm baĩch caũu).
- Phaũn õũng dõ õũng (ĩt gaẽp), daáu hieũu nhaãn bieát laõ: ngõõa, noải maãn, khoũ nuoát hoaëc khoũ thõũ, phuõ moải, maët, coỏ hoĩng hoaëc lõõõi.
- Co giaät.

### *Caũc taũc dũĩng khoâng mong muoán khaũc*

*Raát thõõõng gaẽp:* Run, cõũng cõ hoaëc co cõ, vaãn ñõõng chaãm, taẽng tieát nõõuc boĩt.

*Thõõõng gaẽp:* Vaãn ñõõng cõ theỏ baát thõõõng khoâng kieãm soaũt ñõõc, maát nguũ, boàn choãn, lo laẽng, roái loaĩn cõĩc khoaũi, taũu boũn, buoàn noãn, noãn, khoỏ mieãng, gaỹy ra taẽng tieát sõõa, voỏ kinh, vuũ to õũ nam, ñĩũu vuũ, vaõ roái loaĩn chõũc naẽng cõũng dõõng, haĩ huyeát aùp, taẽng caãn.

*Ít gaẽp:* Taẽng ñõõõng huyeát, nhõp tim chaãm, taẽng men gan.

*Chõõ roỏ taàn suaát:* Taẽng triglycerid vaõ cholesterol maũu, luũ laãn, hoải chõũng cai thuoác õũ treũ sỏ sinh.

### **Neãn traũnh duøng nhõõng thuoác hoaëc thõĩc phaãm gĩ khi ñĩng sũu dũĩng thuoác naõy?**

Moät soá thuoác còu theỏ tõõng taũc vòuì amisulprid neãn phaũi thoâng baũu cho bàuc syõ hoaëc dõõc syõ cuũa bãin veỏ taát caũ caũc loaĩi thuoác maõ bãin ñĩng sũu dũĩng, bao goàm caũ caũc thuoác keỏ ñõõn hoaëc khoâng keỏ ñõõn, caũc vitamin hoaëc thuoác tởõ dõõc lieàu.

*Thuoác khoâng ñõõc duøng chung vòuì amisulprid:*

- Thuốc chống loãn nhòp nhòum la nhò quinidin, disopyramid, procainamid.
- Thuốc chống loãn nhòp nhòum III nhò amiodaron, sotalol.
- Càuc thuốc nhò bepridil, cisaprid, sultoprid, thioridazin, erythromycin tieâm tónh maïch, vincamin tieâm tónh maïch, halofantrin, pentamidin, sparfloracin.
- Levodopa.

*Thuốc còu tồong tàuc vòuì amisulprid. Thoâng bàuc cho bàuc syỗ neáu bàin ñang uoáng càuc thuốc sau:*

Càuc thuốc laøm taêng nguy cô gaây xoaén ñænh tim:

- Càuc thuốc laøm chaãm nhòp tim nhò thuốc cheïn thui theỏ beta nhò sotalol, esmolol, propranolol thuốc cheïn keãnch calci nhò diltiazem, verapamil, clonidin, guanfacin, digitalis.
- Càuc thuốc gaây haỷ kali huyeát: Thuốc lôii tieâu laøm haỷ kali huyeát (hydrochlorothiazid, benzothiadiazid, clorothiazid, furosemid, sulfamid), thuốc kích thích nhuaãn traỏng, amphotericin B tieâm tónh maïch, glucocorticoid, tetracosatid.
- Càuc thuốc an thaàn kinh nhò pimozid, haloperidol, imipramin, lithium.

Càuc thuốc sau ñaây càen ñồoïc càen nhaéc khi sôu dũing chung vòuì amisulprid:

- Càuc thuốc òuc cheỏ thaàn kinh trung ôông nhò thuốc an thaàn, thuốc meỏ, thuốc giaúm ñau, thuốc khaùng histamin H<sub>1</sub> gaây buoàn nguừ, barbiturat, benzodiazepin vaỏ càuc thuốc chống lo âu khaùc.
- Càuc thuốc haỷ huyeát àup.
- Càuc chaát chuừ vaãn dopamin (nhò levodopa).

Uoáng amisulprid vòuì moắt ít nõoüc. Khoâng uoáng rồoừu bia khi uoáng amisulprid.

### **Càen laøm gì khi moắt laàn queãn khoâng duøng thuốc?**

Neáu bàin queãn khoâng duøng 1 lieàu, neãn uoáng lieàu ñòu ngay khi còu theỏ. Neáu thồoỉ ñieãm nhòu ra ñaỏ ngay gaàn thồoỉ ñieãm duøng lieàu thuốc tieáp theo, khoâng duøng lieàu ñaỏ queãn maỏ duøng thuốc theo ñiùng lỏch trình cuỗ. Khoâng uoáng gaáp ñoải lieàu.

### **Càen laøm gì khi ngổoøng duøng thuốc?**

Càen giaúm lieàu daàn daàn theo hỏoùng daãn cuừa bàuc syỗ, khoâng ngổoøng thuốc ñoắt ngoắt ñeỏ traùnch xaỷu ra tàuc dũing khoâng mong muoán goừi laỏ “trieầu chỏùng cai thuốc” bao goàm buoàn noãn, noãn vaỏ maắt nguừ. Ñoàng thồoỉ khi ngổoøng thuốc ñoắt ngoắt còu theỏ gaây tàui phaut trieầu chỏùng taâm thaàn, cuỗng còu theỏ xaỷu ra càuc vaãn ñoảng baát thồoøng khoâng kieãm soaùt ñồoïc.

### **Càen bàuc quaừn thuốc naỏy nhò theỏ naỏ?**

Giổ thuốc trong bao bì goác cuừa nhaỏ saừn xuaát, ñaỷy kín.

Ñeỏ thuốc ñoỉ khoỏ raỏ, traùnch ành saùng, nhieát ñoỏ khoâng quaừ 30°C, vaỏ ngoaỏi taàm vòuì cuừa treủ em.

Khoâng sôu dũing thuốc sau ngaỏy heát haỷn ghi trên bao bì (hoỏp vaỏ væ thuốc).

### **Nhổoøng daứu hieủ vaỏ trieầu chỏùng khi duøng thuốc quaừ lieàu**

Duøng thuốc chính xaừc nhò hỏoùng daãn cuừa bàuc syỗ.

Khi duøng quaừ lieàu bàin còu theỏ bò càuc tàuc ñoảng khoâng mong muoán nhò: buoàn nguừ, hoãn meỏ, haỷ huyeát àup vaỏ trieầu chỏùng ngoaừi thaủp (run, co cỏùng, roải loãn vaãn ñoảng, taêng tieát nõoüc boỷt). Còu theỏ gaây ra tồu vong ñaéc bieát khi sôu dũing quaừ lieàu cuøng vòuì nhổoøng thuốc chống loãn thaàn khaùc.

### **Càen phaừi laøm gì khi duøng thuốc quaừ lieàu khuyeán caỏ?**

Ngỏng duøng thuốc vaỏ lieãn laỷc ngay vòuì bàuc syỗ hoặc trung taâm y teỏ gaàn nhaát.

Mang theo viên thuốc cứng vỏ bì nữa bàc sỹ biết bãn nữa uống thuốc gì và có uống bia ăn pha uống xữ lý kòp thòp.

### **Những nữa càn thãn trõng khi dùng thuốc nỏy**

*Trõuc khi dùng thuốc nỏy, càn thõng bàu cho bàc sỹ và lờu yù nếu bãn cõu những vàn nữa sau:*

- Suy thãn.
- Bẽn Parkinson.
- Nõng kinh.
- Bẽn tim hoặc trong gia ãnh cõu ngõõpì bõ bẽn tim.
- Bẽn huyếat khoái táec maích.
- Nủi thũo ãõõng.
- Hai kali máu.
- Ngõõpì cao tuỏi, ngõõpì cao tuỏi bõ suy giaũm trí nhũ.
- Bẽn ung thõ vuũ hoặc gia ãnh cõu ngõõpì bõ ung thõ vuũ.
- Giaũm bãich cầu.

### Dùng thuốc cho trẻ em

An toản và hẻu quũ cũa amisulprid tõp tuỏi đũy thì nữa 18 tuỏi chõa ãõõic nghiẽn cõu. Dõ lieũ veà viẻc sũu đũng amisulprid õu trẻ vò thỏnh niẽn bõ tâm thãn phãn lieát cõn ít. Do ãõ, khõng khuyẻn cầu sũu đũng cho trẻ tõp tuỏi đũy thì nữa 18 tuỏi; chỏng chẻ ãõnh sũu đũng cho trẻ dõõu 15 tuỏi (trõuc tuỏi đũy thì).

### Phũ nõ mang thai hoặc cho con bú

Nếu bãn cõu thai hoặc ngỏ raẻng mình ãng mang thai, hoũi yù kiẻn bàc sỹ nữa bàc sỹ trõuc khi sũu đũng thuốc. Khõng dùng thuốc khi ãng mang thai trõp khi cõu chẻ ãõnh cũa bàc sỹ.

Ngõng cho con bú khi sũu đũng amisulprid.

### Laũ xe và vàn hỏnh máu mùc

Amisulprid cõu ãõnh hõõng nẻi nữa khaũ ãẻng laũ xe và sũu đũng máu mùc do cõu theũ gũy lỏ mỏ và bũan nguũ. Nẻn thãn trõng.

### **Khi nỏ càn tham vàn bàc sỹ, dõõic sỹ?**

Càn lieãn laũ ngay vủi bàc sỹ hoặc trung tâm y teũ gũn nhắt khi dùng thuốc quũ lieũ chẻ ãõnh.

Thõng bàu ngay cho bàc sỹ hoặc dõõic sỹ những tũc đũng khõng mong muỏn gẻp phũi khi sũu đũng thuốc.

Nếu càn theũ thõng tin xin hoũi yù kiẻn bàc sỹ hoặc dõõic sỹ.

**Hũn dùng cũa thuốc:** 36 thũng kẻ tõp ngỏy sũn xũát.

**Sũn xũát tũi:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÕÕIC PHẢM NỮIT VI PHỦ**

**(DAVIPHARM)**

Loũ M7A, Nõõng D17, Khu Công nghiẻp Mỹ Phõuc 1, Phõõng Thũi Hỏ, Thỏ xỏ Bẻn Cũt, Tẻnh Bẻnh Dõõng, Viẻt Nam

Tel: 0274.3567.687

Fax: 0274.3567.688

**Ngỏy xem xẻt sũu ãõi, cẻp nhắt laũ nỏi dung hõõng đũn sũu đũng thuốc:**

**06/01/2018**